

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VSM

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017
(đã được soát xét)

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02 - 03
Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	04 - 05
Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét	06 - 37
Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ	06 - 08
Báo cáo kết quả hoạt động giữa niên độ	9 - 10
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	11 - 12
Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu giữa niên độ	13
Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ	14 - 37

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán VSM (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chứng khoán VSM, tiền thân là Công ty Cổ phần Chứng khoán Gia Phát, được thành lập và hoạt động theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 65/UBCK - GP ngày 03 tháng 12 năm 2007, được điều chỉnh theo các Giấy phép điều chỉnh số 269/UBCK - GP của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ngày 19/10/2009 về đổi tên Công ty thành Công ty Cổ phần Chứng khoán Stock Mart Việt Nam; Giấy phép điều chỉnh số 45/GPĐC-UBCK của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ngày 02/08/2011 về đổi tên thành Công ty Cổ phần Chứng khoán VSM; Giấy phép điều chỉnh số 63/GPĐC-UBCK của Ủy ban Chứng khoán ngày 28/11/2011 về tăng vốn điều lệ từ 135.000.000.000 VND lên 200.000.000.000 VND; và Giấy phép điều chỉnh số 15/GPĐC-UBCK của Ủy ban Chứng khoán ngày 11/05/2017 về thay đổi nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán: rút nghiệp vụ Môi giới Chứng khoán.

Trụ sở của Công ty tại Tầng 2, Tòa nhà Handico, số 34 Hai Bà Trưng, phường Trảng Tiền, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Bà Phạm Thị Hinh	Chủ tịch
Ông Phạm Xuân Ái	Thành viên
Ông Lê Hữu Lộc	Thành viên
Ông Lâm Hoàng Giang	Thành viên
Bà Phạm Thị Hải Yến	Thành viên

Thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này là:

Ông Hoàng Đình Trung	Tổng Giám đốc
----------------------	---------------

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Phùng Thị Kim Anh	Trưởng ban
Ông Phạm Quốc Tuệ	Thành viên
Ông Trần Kiên Cường	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện soát xét các Báo cáo tài chính giữa niên độ cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính giữa niên độ, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VSM

Tầng 2, Tòa nhà Handico, số 34 Hai Bà Trưng, phường Trảng Tiền, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ các quy định pháp lý của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Phạm Thị Minh
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Hà Nội, ngày 10 tháng 08 năm 2017

Số: 1959/2017/BC.KTTC-AASC.KT1

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Chứng khoán VSM**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Chứng khoán VSM được lập ngày 10 tháng 08 năm 2017, từ trang 06 đến trang 37, bao gồm: Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu đo gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ

Tại thời điểm 30/06/2017, số dư các khoản tạm ứng cho các cổ đông, thành viên HĐQT của Công ty là 22,13 tỷ đồng (chiếm 13,2% vốn chủ sở hữu của Công ty), trong đó số dư tạm ứng đã quá hạn hoàn ứng trên 120 ngày là 14,76 tỷ đồng. Các khoản tạm ứng này nhằm mục đích đầu tư mua cổ phiếu của các công ty cổ phần khác; tìm kiếm địa điểm, thực hiện giao dịch thuê/mua bất động sản làm chi nhánh của Công ty tại TP. Hồ Chí Minh và phục vụ hoạt động tìm kiếm khách hàng, mở rộng hoạt động tư vấn của Công ty theo các Nghị quyết của Hội đồng Quản trị. Đến thời điểm phát hành báo cáo này, các thủ tục để mua cổ phiếu và thực hiện giao dịch thuê/mua bất động sản vẫn chưa hoàn thành và chưa có kế hoạch, thông tin cụ thể về tiến độ thực hiện (xem chi tiết Thuyết minh số 9). Với những tài liệu hiện có và bằng các thủ tục soát xét khác, chúng tôi không thể đánh giá được ảnh hưởng của vấn đề này đến Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo.

Kết luận ngoại trừ

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, ngoại trừ vấn đề được mô tả tại đoạn “Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ”, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán VSM tại ngày 30 tháng 06 năm 2017 cũng như kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Tại ngày 30/06/2017, Công ty không thực hiện việc trích lập dự phòng đối với khoản đầu tư vào trái phiếu chưa niêm yết với tổng giá trị đầu tư là 100 tỷ đồng do không có cơ sở xác định giá trị thị trường của các chứng khoán này cũng như không nhận thấy các bằng chứng về suy giảm khả năng thu hồi (chi tiết xem Thuyết minh số 05).

Kết luận ngoại trừ nêu trên của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Phạm Anh Tuấn

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề

kiểm toán số: 0777-2013-002-1

Hà Nội, ngày 10 tháng 08 năm 2017

35-
CÔNG TY
TRÁCH NHIỆM
HỮU HẠN
KIỂM TOÁN
AASC

10/11
10/11
10/11

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VSM

Tầng 2, Tòa nhà Handico, số 34 Hai Bà Trưng, phường Trảng
Tiền, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2017	01/01/2017
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		167.048.149.859	163.538.737.081
110	I. Tài sản tài chính		143.603.138.160	124.050.992.662
111	1. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	53.108.314	130.285.378
111.1	1.1 Tiền		53.108.314	130.285.378
112	2. Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	5	9.963.511.800	29.964.596.000
113	3. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	5	100.000.000.000	40.000.000.000
116	4. Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp	5	-	(21.794.773.700)
117	5. Các khoản phải thu	6	18.551.286.761	60.447.875.000
117.1	5.1 Phải thu bán các tài sản tài chính	6	13.843.411.761	55.000.000.000
117.2	5.2 Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính	6	4.707.875.000	5.447.875.000
117.3	5.2.1 Phải thu cổ tức, tiền lãi đến ngày nhận		4.707.875.000	5.447.875.000
118	6. Trả trước cho người bán	8	15.000.000.000	15.003.000.000
119	7. Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp	6	-	298.000.000
122	8. Các khoản phải thu khác	6	1.215.695.993	1.182.474.692
129	9. Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu	7	(1.180.464.708)	(1.180.464.708)
130	II. Tài sản ngắn hạn khác		23.445.011.699	39.487.744.419
131	1. Tạm ứng	9	22.660.784.586	39.015.560.503
133	2. Chi phí trả trước ngắn hạn	10	767.188.290	466.257.911
135	3. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		17.038.823	5.926.005
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		3.090.024.112	1.963.273.879
210	I. Tài sản tài chính dài hạn		2.617.777.779	-
211	1. Các khoản phải thu dài hạn	6	2.617.777.779	-
220	II. Tài sản cố định		181.944.463	286.176.397
221	1. Tài sản cố định hữu hình	12	-	4.231.938
222	- Nguyên giá		3.318.712.723	3.318.712.723
223a	- Giá trị hao mòn lũy kế		(3.318.712.723)	(3.314.480.785)
227	2. Tài sản cố định vô hình	13	181.944.463	281.944.459
228	- Nguyên giá		5.339.533.184	5.339.533.184
229a	- Giá trị hao mòn lũy kế		(5.157.588.721)	(5.057.588.725)
250	V. Tài sản dài hạn khác		290.301.870	1.677.097.482
251	1. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn	11	202.874.751	202.874.751
252	2. Chi phí trả trước dài hạn	10	87.427.119	111.818.943
254	3. Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán		-	1.362.403.788
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		170.138.173.971	165.502.010.960

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2017	01/01/2017
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		1.898.459.449	1.760.088.793
310	I. Nợ phải trả ngắn hạn		1.898.459.449	1.760.088.793
311	1. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	14	841.467.148	-
312	1.1 Vay ngắn hạn		841.467.148	-
314	2. Vay tài sản tài chính ngắn hạn		-	18.224.000
318	3. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán		-	15.710.731
320	4. Phải trả người bán ngắn hạn	15	506.994.230	1.086.492.281
321	5. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		38.500.000	-
322	6. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	12.324.925	17.224.824
323	7. Phải trả người lao động		227.783.662	377.105.723
324	8. Các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên		218.400.000	135.330.000
325	9. Chi phí phải trả ngắn hạn	17	30.000.000	87.180.000
329	10. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác		22.932.942	22.764.692
331	11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		56.542	56.542
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		168.239.714.522	163.741.922.167
410	I. Vốn chủ sở hữu	18	168.239.714.522	163.741.922.167
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		200.000.000.000	200.000.000.000
411.1	1.1 Vốn góp của chủ sở hữu		200.000.000.000	200.000.000.000
411.1a	a. Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		200.000.000.000	200.000.000.000
414	2. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ		87.438.309	87.438.309
415	3. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ		374.602.410	374.602.410
416	4. Các quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		141.430.149	141.430.149
417	5. Lợi nhuận chưa phân phối		(32.363.756.346)	(36.861.548.701)
417.1	5.1 Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện		(19.033.346.146)	(36.861.548.701)
417.2	5.2 Lợi nhuận chưa thực hiện		(13.330.410.200)	-
440	TỔNG CỘNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU		170.138.173.971	165.502.010.960

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VSMTầng 2, Tòa nhà Handico, số 34 Hai Bà Trưng, phường Trảng
Tiền, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội**Báo cáo tài chính giữa niên độ**
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	30/06/2017	01/01/2017
A. TÀI SẢN CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN VÀ TÀI SẢN QUẢN LÝ THEO CAM KẾT				
006	1. Cổ phiếu đang lưu hành		20.000.000	20.000.000
008	2. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của công ty chứng khoán	21	47.063.550.000	55.785.900.000
012	3. Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của công ty chứng khoán	22	100.000.000.000	40.000.000.000
B. TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG				
021	1. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của Nhà đầu tư	23	-	229.365.920.000
021.1	a. Tài sản tài chính giao dịch dự do chuyển nhượng		-	229.316.920.000
021.2	b. Tài sản tài chính hạn chế chuyển nhượng		-	49.000.000
022	2. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của Nhà đầu tư	24	-	72.613.850.000
022.1	a. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng		-	72.613.850.000
026	3. Tiền gửi của khách hàng	25	-	443.633.303
027	3.1 Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		-	420.908.784
028	3.2 Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng		-	20.927.955
029	3.3 Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán		-	1.796.564
029.1	a. Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán Nhà đầu tư trong nước		-	1.796.564
031	4. Phải trả Nhà đầu tư về tiền giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	26	-	443.577.779
031.1	4.1 Phải trả Nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		-	443.577.779
035	5. Phải trả cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	27	-	55.524


Lê Bích Thủy
Người lập

Nguyễn Thị Thanh Vân
Kế toán trưởngPhạm Thị Hình
Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Hà Nội, ngày 10 tháng 08 năm 2017

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu năm 2017

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
			VND	VND
I. DOANH THU HOẠT ĐỘNG				
02	1.1 Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	28.a)	2.617.777.779	3.652.638.889
06	1.2 Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán		10.210.413	117.009.098
09	1.3 Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán		39.630.180	23.201.134
10	1.4 Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính		-	315.000.000
20	Cộng doanh thu hoạt động		2.667.618.372	4.107.849.121
II. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG				
21	2.1 Lỗ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)		17.090.898.400	-
21.1	a. Lỗ bán các tài sản tài chính FVTPL	28.b)	3.760.488.200	-
21.2	b. Chênh lệch giám đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL	5c)	13.330.410.200	-
24	2.2 Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi và lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay		(21.794.773.700)	9.970.147.422
26	2.3 Chi phí hoạt động tự doanh		14.313.203	-
27	2.4 Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán		73.848.594	637.594.547
30	2.5 Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán		54.521.691	96.336.219
31	2.6 Chi phí hoạt động tư vấn tài chính		-	432.168.765
40	Cộng chi phí hoạt động		(4.561.191.812)	11.136.246.953
III. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
42	3.1 Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi ngân hàng không cố định	29	31.628.723	7.434.593
50	Cộng doanh thu hoạt động tài chính		31.628.723	7.434.593
IV. CHI PHÍ TÀI CHÍNH				
52	4.1 Chi phí lãi vay		3.927.984	-
60	Cộng chi phí tài chính		3.927.984	-
62	VI. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG	30	2.746.073.241	2.681.482.424
70	VII. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG		4.510.437.682	(9.702.445.663)
VIII. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC				
72	8.1 Chi phí khác		12.645.327	10.464.556
80	Cộng kết quả hoạt động khác		(12.645.327)	(10.464.556)



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu năm 2017

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
			VND	VND
90	IX. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ		4.497.792.355	(9.712.910.219)
91	9.1 Lợi nhuận đã thực hiện		17.828.202.555	(9.712.910.219)
92	9.2 Lợi nhuận chưa thực hiện		(13.330.410.200)	-
100	X. CHI PHÍ THUẾ TNDN		-	-
100.1	10.1 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	31	-	-
200	XI. LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN		4.497.792.355	(9.712.910.219)
500	XIII. THU NHẬP THUẬN TRÊN CỔ PHIẾU PHỔ THÔNG			
501	13.1 Lãi cơ bản trên cổ phiếu (Đồng/1 cổ phiếu)	32	225	(486)



Lê Bích Thủy
Người lập



Nguyễn Thị Thanh Vân
Kế toán trưởng



Phạm Thị Hinh
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Hà Nội, ngày 10 tháng 08 năm 2017

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ6 tháng đầu năm 2017
(Theo phương pháp trực tiếp)


Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2017 VND	6 tháng đầu năm 2016 VND
	I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
01	1. Tiền đã chi mua các tài sản tài chính		(60.000.000.000)	-
02	2. Tiền đã thu từ bán các tài sản tài chính		44.066.774.039	-
05	3. Tiền lãi đã thu		771.628.723	2.009.000.000
06	4. Tiền chi trả lãi vay cho hoạt động của công ty chứng khoán		(3.927.984)	-
07	5. Tiền chi trả Tổ chức cung cấp dịch vụ cho công ty chứng khoán		(102.105.673)	(553.924.765)
08	6. Tiền chi trả cho người lao động		(1.324.820.442)	(1.032.533.912)
09	7. Tiền chi nộp thuế liên quan đến hoạt động công ty chứng khoán		(28.619.318)	(221.079.867)
10	8. Tiền chi thanh toán các chi phí cho hoạt động mua, bán các tài sản tài chính		(14.313.203)	-
11	9. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		21.515.827.886	81.774.293.547
12	10. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(5.780.864.240)	(42.247.815.730)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(900.420.212)	39.727.939.273
	III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
33	1. Tiền vay gốc		2.796.202.125	-
33	1.1 Tiền vay khác		2.796.202.125	-
34	2. Tiền chi trả nợ gốc vay		(1.972.958.977)	-
34	2.1 Tiền chi trả nợ gốc vay tài sản tài chính		(18.224.000)	-
34	2.2 Tiền chi trả gốc nợ vay khác		(1.954.734.977)	-
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		823.243.148	-
50	IV. Tăng/giảm tiền thuần trong kỳ		(77.177.064)	39.727.939.273
60	V. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ		130.285.378	327.848.651
61	Tiền		130.285.378	327.848.651
70	VI. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ		53.108.314	40.055.787.924
71	Tiền		53.108.314	40.055.787.924

PHẦN LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG

6 tháng đầu năm 2017

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2017 VND	6 tháng đầu năm 2016 VND
	I. Lưu chuyển tiền hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng			
01	1. Tiền thu bán chứng khoán môi giới cho khách hàng		1.104.707.400	43.183.180.600
02	2. Tiền chi mua chứng khoán môi giới cho khách hàng		(238.740.000)	(19.653.963.000)
07	3. Nhận tiền gửi để thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng		(1.281.343.752)	(27.029.137.460)
09	4. Chi trả phí lưu ký chứng khoán của khách hàng		(28.256.951)	(235.686.552)
12	5. Tiền thu của Tổ chức phát hành chứng khoán		4.222.989	108.047.710
13	6. Tiền chi trả Tổ chức phát hành chứng khoán		(4.222.989)	(108.047.710)
20	<i>Tặng/giảm tiền thuần trong kỳ</i>		(443.633.303)	(3.735.606.412)
30	II. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ của khách hàng		443.633.303	5.956.171.755
31	Tiền gửi ngân hàng đầu kỳ:		443.633.303	5.956.171.755
32	- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý		420.908.784	5.918.081.120
33	- Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán		1.796.564	37.090.613
34	- Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng		20.927.955	1.000.022
40	III. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ của khách hàng		-	2.220.565.343
41	Tiền gửi ngân hàng cuối kỳ:		-	2.220.565.343
42	- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý		-	1.878.897.989
43	- Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng		-	163.236.310
44	- Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán		-	178.431.044


Lê Bích Thủy
Người lập


Nguyễn Thị Thanh Vân
Kế toán trưởng


Phạm Thị Hiệp
Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Hà Nội, ngày 10 tháng 08 năm 2017

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu năm 2017

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số dư đầu kỳ		Số tăng/giảm		Số dư cuối kỳ		
		01/01/2017	30/06/2017	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2017	30/06/2017	30/06/2017	
		VND	VND	Tăng	Giảm	Tăng	Giảm	
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		200.000.000.000	200.000.000.000	-	-	-	-	200.000.000.000
1.1 Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		200.000.000.000	200.000.000.000	-	-	-	-	200.000.000.000
2. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ		87.438.309	87.438.309	-	-	-	-	87.438.309
3. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ		374.602.410	374.602.410	-	-	-	-	374.602.410
4. Các quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		141.430.149	141.430.149	-	-	-	-	141.430.149
5. Lợi nhuận chưa phân phối		727.107.268	(36.861.548.701)	(9.712.910.219)	-	4.497.792.355	-	(8.985.802.951)
5.1 Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện		727.107.268	(36.861.548.701)	(9.712.910.219)	-	17.828.202.555	-	(8.985.802.951)
5.2 Lợi nhuận chưa thực hiện		-	-	-	-	(13.330.410.200)	-	(13.330.410.200)
TỔNG CỘNG		201.330.578.136	163.741.922.167	(9.712.910.219)	-	4.497.792.355	-	168.239.714.522



Lê Bích Thủy
Người lập



Nguyễn Thị Thanh Vân
Kế toán trưởng



Phạm Thị Hạnh TP.
Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Hà Nội, ngày 10 tháng 08 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu năm 2017

1 . THÔNG TIN CHUNG

1.1 . Đặc điểm hoạt động của Công ty Chứng khoán

Công ty Cổ phần Chứng khoán VSM, tiền thân là Công ty Cổ phần Chứng khoán Gia Phát, được thành lập và hoạt động theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 65/UBCK - GP ngày 03 tháng 12 năm 2007, được điều chỉnh theo các Giấy phép điều chỉnh số 269/UBCK - GP của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ngày 19/10/2009 về đổi tên Công ty thành Công ty Cổ phần Chứng khoán Stock Mart Việt Nam; Giấy phép điều chỉnh số 45/GPĐC-UBCK của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ngày 02/08/2011 về đổi tên thành Công ty Cổ phần Chứng khoán VSM; Giấy phép điều chỉnh số 63/GPĐC-UBCK của Ủy ban Chứng khoán ngày 28/11/2011 về tăng vốn điều lệ từ 135.000.000.000 VND lên 200.000.000.000 VND; và Giấy phép điều chỉnh số 15/GPĐC-UBCK của Ủy ban Chứng khoán ngày 11/05/2017 về thay đổi nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán: rút nghiệp vụ Môi giới Chứng khoán.

Trụ sở của Công ty tại Tầng 2, Tòa nhà Handico, số 34 Hai Bà Trưng, phường Tràng Tiền, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.

Điều lệ hoạt động của Công ty ban hành năm 2007 và được thay thế bởi Điều lệ ban hành ngày 16/03/2016.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 200.000.000.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 30 tháng 06 năm 2017 là 200.000.000.000 đồng; tương đương 20.000.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

1.2 . Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty gồm: Tự doanh chứng khoán; Tư vấn đầu tư chứng khoán và Tư vấn tài chính.

1.3 . Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính giữa niên độ

Trong kỳ, Công ty đã hoàn tất các thủ tục liên quan tới việc ngừng hoạt động nghiệp vụ Môi giới chứng khoán và chuyển số dư tài khoản giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư về Công ty Cổ phần Chứng khoán Maritime quản lý. Do đó, doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán giảm so với cùng kỳ năm trước.

Bên cạnh đó, trong kỳ Công ty đã bán một số lượng lớn chứng khoán KSA do Công ty nắm giữ, giá thị trường của chứng khoán KSA tại 30/06/2017 tăng lên so với thời điểm 31/12/2016. Theo đó, Công ty đã ghi nhận một khoản hoàn nhập dự phòng tương ứng trên Báo cáo kết quả hoạt động giữa niên độ với số tiền là 8,46 tỷ đồng.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán đối với công ty chứng khoán ban hành theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán (thay thế cho Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008, Quyết định số 99/2000/QĐ-BTC ngày 13 tháng 06 năm 2000, Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010); Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ tài chính, sửa đổi, bổ sung và thay thế phụ lục 02 và 04 của Thông tư 210/2014/TT-BTC.

Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014 có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 và Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 có hiệu lực thi hành từ năm tài chính 2016, riêng các quy định về giá trị hợp lý có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính giữa niên độ được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

2.3 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi hoạt động của công ty chứng khoán.

Tiền gửi về bù trừ thanh toán giao dịch chứng khoán là số tiền sẵn sàng tham gia bù trừ và thanh toán của Công ty và khách hàng tại ngày T+x theo yêu cầu của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam (VSD), được mở tại Ngân hàng chỉ định để thanh toán mua, bán chứng khoán theo kết quả đã bù trừ thuần.

Tiền gửi của Nhà đầu tư về mua bán chứng khoán được trình bày tại các chỉ tiêu ngoài Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ (ngoại bảng).

2.4 . Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

a) Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL), các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM) và các khoản phải thu. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó, ngoại trừ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL) chỉ được xác định theo giá mua/chi phí phát hành.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay ngắn hạn, phải trả người bán, phải trả khác và chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

b) Nguyên tắc phân loại

Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL): tài sản tài chính được phân loại theo FVTPL khi tài sản tài chính đó được nắm giữ cho mục đích mua vào, bán ra trên thị trường tài chính thông qua hoạt động nghiên cứu và phân tích với kỳ vọng sinh lời. Các loại tài sản tài chính được phân loại nhóm khác khi bán cần phân loại lại vào FVTPL.

Các tài sản tài chính FVTPL là công cụ nợ khi đáo hạn phải được chuyển sang ghi nhận là các khoản phải thu và lập dự phòng như một khoản phải thu khó đòi (nếu có).

Tài sản tài chính nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM): là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được, có kỳ hạn là cố định mà Công ty có dự định tích cực và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- Các tài sản tài chính phi phái sinh mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Công ty xếp loại vào nhóm ghi nhận theo giá trị thông qua lãi/lỗ (FVTPL);
- Các tài sản tài chính phi phái sinh đã được Công ty xếp loại vào nhóm sẵn sàng để bán (AFS); và
- Các tài sản tài chính phi phái sinh thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và các khoản phải thu.

Sau ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM) được xác định theo chi phí phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực.

c) Nguyên tắc đánh giá lại các tài sản tài chính

Việc đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL và HTM theo giá thị trường hoặc giá trị hợp lý được thực hiện theo phương pháp xác định giá trị phù hợp với quy định pháp luật. Trong trường hợp không có giá thị trường tại ngày giao dịch gần nhất, Công ty sử dụng giá trị hợp lý để đánh giá lại các tài sản tài chính. Giá trị hợp lý được xác định trên cơ sở tôn trọng nguyên tắc, phương pháp hoặc mô hình lý thuyết định giá tài sản tài chính đã được Ban Tổng Giám đốc chấp thuận.

Giá trị hợp lý/giá trị thị trường của tài sản tài chính được xác định theo quy định tại Thông tư số 146/2014/TT-BTC, cụ thể là: Giá trị thị trường của chứng khoán niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá lại giá trị chứng khoán.

Chênh lệch tăng hoặc giảm đo đánh giá lại FVTPL được ghi nhận theo nguyên tắc không bù trừ và được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động theo 02 chỉ tiêu: chỉ tiêu "Lỗ và chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính, hoạt động tự doanh FVTPL" - Chi tiết "Chênh lệch giảm về đánh giá lại các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ" (nếu đánh giá giảm) và chỉ tiêu "Thu nhập" - Chi tiết "Chênh lệch tăng về đánh giá lại các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ" (nếu đánh giá tăng).

Các tài sản tài chính nắm giữ đến ngày đáo hạn được xem xét khả năng suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Dự phòng được trích lập cho các khoản đầu tư này khi có bằng chứng khách quan cho thấy có khả năng không thu hồi được hoặc không chắc chắn thu hồi được của khoản đầu tư xuất phát từ một hoặc nhiều sự kiện tổn thất xảy ra ảnh hưởng xấu lên luồng tiền tương lai dự kiến. Bằng chứng khách quan của việc suy giảm giá trị có thể bao gồm giá trị thị trường/giá trị hợp lý (nếu có) của khoản nợ bị suy giảm, các dấu hiệu về bên nợ hoặc nhóm các bên nợ đang gặp khó khăn về tài chính đáng kể, vỡ nợ hoặc trả nợ không đúng kỳ hạn các khoản lãi hoặc gốc, khả năng bên nợ bị phá sản hoặc có sự tái cơ cấu tài chính và các dữ liệu có thể quan sát cho thấy rằng có sự suy giảm có thể lượng hóa được các luồng tiền dự kiến trong tương lai, chẳng hạn như sự thay đổi về điều kiện trả nợ, tình hình tài chính gần liền với khả năng vỡ nợ. Khi có bằng chứng về việc giảm giá trị, số dư dự phòng được trích lập được xác định trên cơ sở sự khác biệt giữa giá trị phân bổ và giá trị hợp lý tại thời điểm đánh giá. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục "Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi, lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay".

2.5 . Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Máy móc, thiết bị 03 - 05 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý 03 - 05 năm
- Phần mềm máy tính 05 năm

2.6 . Các khoản phải thu ngắn hạn, dài hạn

Phải thu bán các tài sản tài chính: phản ánh toàn bộ giá trị phải thu khi bán các tài sản tài chính thuộc danh mục tài sản tài chính của Công ty (không qua các Sở Giao dịch Chứng khoán), kể cả giá trị đáo hạn của các tài sản tài chính hoặc thanh lý các tài sản tài chính này.

Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính: phản ánh toàn bộ các khoản phải thu và dự thu về cổ tức, tiền lãi của các tài sản tài chính thuộc danh mục tài sản tài chính của Công ty.

Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu: được trích lập cho các khoản nợ đã quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đã chết. Chi phí dự phòng phát sinh được trình bày trên chỉ tiêu "Chi phí quản lý công ty chứng khoán" trên Báo cáo kết quả hoạt động giữa niên độ.

Mức trích lập dự phòng các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định như sau:

Thời gian quá hạn	Mức trích dự phòng
Từ trên sáu (06) tháng đến dưới một (01) năm	30%
Từ một (01) năm đến dưới hai (02) năm	50%
Từ hai (02) năm đến dưới ba (03) năm	70%
Từ ba (03) năm trở lên	100%

2.7 . Chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí hoạt động kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.8 . Các khoản nợ phải trả ngắn hạn, dài hạn

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản vay: phản ánh các khoản tiền vay tạm thời và tình hình trả nợ tiền vay của Công ty với các đối tượng cho vay khác theo quy định về hoạt động vay áp dụng đối với công ty chứng khoán.

2.9 . Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí hoạt động kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí hoạt động kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

2.10 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận chưa phân phối của Công ty bao gồm lợi nhuận đã thực hiện và lợi nhuận chưa thực hiện. Lợi nhuận đã thực hiện chưa phân phối của Công ty lũy kế tính đến cuối kỳ trước là cơ sở để phân phối lợi nhuận cho chủ sở hữu. Lợi nhuận chưa thực hiện tính đến cuối kỳ trước không là cơ sở phân phối cho chủ sở hữu.

Lợi nhuận đã thực hiện là số chênh lệch giữa tổng doanh thu, thu nhập với tổng các khoản chi phí tính vào Báo cáo kết quả hoạt động của Công ty lũy kế phát sinh trong kỳ. Số lợi nhuận được sử dụng để phân phối cho các chủ sở hữu phải trừ đi số lỗ đã thực hiện lũy kế tính từ đầu kỳ này và số lỗ chưa thực hiện lũy kế tính đến thời điểm phân phối lãi cho chủ sở hữu. Việc phân phối lợi nhuận của Công ty cho chủ sở hữu phải đảm bảo rõ ràng, minh bạch và theo đúng quy định của pháp luật doanh nghiệp, chứng khoán và các pháp luật hiện hành khác có liên quan đối với công ty chứng khoán, điều lệ công ty chứng khoán, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông. Lợi nhuận đã thực hiện được phân phối thu nhập cho thành viên góp vốn hoặc cổ đông sau khi đã trừ đi các nghĩa vụ thuế phải nộp tính trên khoản thu nhập được hưởng.

2.11 . Doanh thu, thu nhập*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Báo cáo tình hình tài chính của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán

Thu nhập bán các tài sản tài chính tự doanh FVTPL được xác định là số chênh lệch giữa giá bán và giá vốn theo số lượng các tài sản tài chính FVTPL đã bán ra. Thu nhập bán các tài sản tài chính là thu nhập đã thực hiện.

Thu nhập do đánh giá tăng các tài sản tài chính thuộc danh mục tài sản tài chính FVTPL theo giá trị hợp lý. Thu nhập đánh giá lại các tài sản tài chính thuộc danh mục tài sản tài chính FVTPL là thu nhập chưa thực hiện.

Thu nhập phát sinh từ các tài sản tài chính tự doanh FVTPL, HTM bao gồm: cổ tức, lợi nhuận được chia phát sinh từ cổ phiếu, lãi trái phiếu; lãi phát sinh từ các khoản tiền gửi cố định.

Cổ tức, lợi nhuận được chia phát sinh từ các tài sản tài chính thuộc danh mục đầu tư của Công ty (FVTPL) được ghi nhận khi công ty được quyền nhận cổ tức từ quyền sở hữu cổ phiếu đã được xác lập.

2.12 . Chi phí hoạt động và chi phí quản lý công ty

Chi phí được ghi nhận khi có khả năng làm giảm các lợi ích kinh tế tại thời điểm phát sinh hoặc có thể xác định được một cách chắc chắn phát sinh, không phân biệt đã được thanh toán hay chưa.

2.13 . Doanh thu tài chính

Doanh thu tài chính

Doanh thu tài chính của Công ty là doanh thu từ lãi tiền gửi ngân hàng không cố định.

Chi phí hoạt động tài chính bao gồm

Chi phí hoạt động tài chính của Công ty là chi phí lãi vay (phí ứng trước tiền bán chứng khoán) phát sinh trong kỳ.

2.14 . Các khoản thuế

Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế TNDN trong kỳ kế toán hiện hành.

2.15 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VSMTầng 2, Tòa nhà Handico, số 34 Hai Bà Trưng, phường Trảng
Tiền, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

3 . GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THỰC HIỆN TRONG KỲ

	Khối lượng giao dịch chứng khoán thực hiện trong kỳ	Giá trị khối lượng giao dịch chứng khoán thực hiện trong kỳ VND
Của Công ty Chứng khoán	1.235.310	2.910.185.800
- Cổ phiếu	1.235.310	2.910.185.800
Của nhà đầu tư	439.274	1.323.987.400
- Cổ phiếu	439.274	1.323.987.400
	1.674.584	4.234.173.200

4 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/06/2017 VND	01/01/2017 VND
Tiền mặt tại quỹ	20.021.232	11.702.004
Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động Công ty	33.087.082	97.497.225
Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	-	21.086.149
	53.108.314	130.285.378

5 . CÁC LOẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH**a) Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)**

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Cổ phiếu niêm yết	23.293.922.000	9.963.511.800	29.964.596.000	8.169.822.300
	23.293.922.000	9.963.511.800	29.964.596.000	8.169.822.300

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VSM

Tầng 2, Tòa nhà Handico, số 34 Hai Bà Trưng, phường Tràng Tiền, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

5 . CÁC LOẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH (tiếp theo)

b) Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
	100.000.000.000	40.000.000.000
	<u>100.000.000.000</u>	<u>40.000.000.000</u>

Trái phiếu Công ty TNHH Tư vấn Thiết kế Xây dựng Kỹ thuật Thương mại Phú Hòa (*)

(*) Trái phiếu của Công ty TNHH Tư vấn Thiết kế Xây dựng Kỹ thuật Thương mại Phú Hòa được mua lại theo các Hợp đồng mua bán trái phiếu số 01TP/2016/PH-VSM ngày 29/12/2016; 01TP/2017/PH-VSM ngày 10/04/2017 và số 02TP/2017/PH-VSM ngày 20/04/2017. Mệnh giá 1 tỷ VND/trái phiếu; Kỳ hạn 05 năm; Tổng giá mua trái phiếu là 100 tỷ đồng; Lãi suất trái phiếu là 8%/năm. Hội đồng quản trị đã thông qua chỉ tương mua trái phiếu này tại các Nghị quyết Hội đồng quản trị số 29.12/2016/NQ-HĐQT; số 10.04/2017/NQ-HĐQT ngày 10/04/2017 và số 20.04/2017/NQ-HĐQT ngày 20/04/2017.

c) Bảng tình hình biến động giá trị thị trường

	Giá mua		Giá trị trường		Chênh lệch đánh giá tăng		Chênh lệch đánh giá giảm		Giá trị đánh giá lại	
	30/06/2017	01/01/2017	30/06/2017	01/01/2017	30/06/2017	01/01/2017	30/06/2017	01/01/2017	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
FVTPL	23.293.922.000	29.964.596.000	9.963.511.800	8.169.822.300	-	-	(13.330.410.200)	(21.794.773.700)	9.963.511.800	8.169.822.300
Cổ phiếu niêm yết	23.293.922.000	29.964.596.000	9.963.511.800	8.169.822.300	-	-	(13.330.410.200)	(21.794.773.700)	9.963.511.800	8.169.822.300
- KHL	88.310.000	88.310.000	36.000.000	36.000.000	-	-	(52.310.000)	(52.310.000)	36.000.000	36.000.000
- KSK	3.000.000	3.000.000	1.950.000	1.650.000	-	-	(1.050.000)	(1.350.000)	1.950.000	1.650.000
- KSA	23.202.612.000	29.873.286.000	9.925.561.800	8.132.172.300	-	-	(13.277.050.200)	(21.741.113.700)	9.925.561.800	8.132.172.300
HTM	100.000.000.000	40.000.000.000								
Trái phiếu	100.000.000.000	40.000.000.000								
- Công ty TNHH Tư vấn Thiết kế Xây dựng Kỹ thuật Thương mại Phú Hòa (*)	100.000.000.000	40.000.000.000								
	<u>123.293.922.000</u>	<u>69.964.596.000</u>	<u>9.963.511.800</u>	<u>8.169.822.300</u>	-	-	<u>(13.330.410.200)</u>	<u>(21.794.773.700)</u>	<u>9.963.511.800</u>	<u>8.169.822.300</u>

Chi chú:

- Nguyên tắc xác định giá trị thị trường: Giá trị thị trường của chứng khoán niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày kết thúc kỳ kế toán. Đối với các chứng khoán của các công ty chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán nhưng đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) thì giá trị thị trường được xác định là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Chênh lệch đánh giá tăng và chênh lệch đánh giá giảm của các cổ phiếu tại ngày 01/01/2017 chỉ được tính toán cho mục đích trình bày theo quy định tại Thông tư số 334/2016/TT-BTC và Thông tư số 210/2014/TT-BTC mà không được ghi nhận và điều chỉnh hồi tố trên Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017.
- (*) Công ty không thực hiện việc trích lập dự phòng đối với khoản đầu tư vào trái phiếu chưa niêm yết do không có cơ sở xác định giá trị thị trường của các chứng khoán này cũng như không nhận thấy các bằng chứng về suy giảm khả năng thu hồi.



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VSMTầng 2, Tòa nhà Handico, số 34 Hai Bà Trưng, phường Trảng
Tiền, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

6 . CÁC KHOẢN PHẢI THU**a) Các khoản phải thu ngắn hạn**

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
Phải thu bán các tài sản tài chính	13.843.411.761	55.000.000.000
- <i>Phải thu bán chứng khoán KSA</i>	843.411.761	-
- <i>Phải thu gốc Trái phiếu đến hạn của Công ty Cổ phần Phương Trung (*)</i>	13.000.000.000	55.000.000.000
Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính	4.707.875.000	5.447.875.000
- <i>Phải thu lãi trái phiếu đến hạn của Công ty Cổ phần Phương Trung (*)</i>	4.707.875.000	5.447.875.000
Phải thu các dịch vụ Công ty chứng khoán cung cấp	-	298.000.000
- <i>Công ty Cổ phần Khoáng sản và Vật liệu Xây dựng Hưng Long</i>	-	88.000.000
- <i>Công ty Cổ phần Khoáng Sản Hòa Bình</i>	-	70.000.000
- <i>Công ty Cổ phần Khoáng Sản Luyện Kim Màu</i>	-	49.000.000
- <i>Công ty Cổ phần Công nghiệp Khoáng sản Bình Thuận</i>	-	48.000.000
- <i>Công ty Cổ phần Khoáng sản và Vật liệu Xây dựng Gia Lai</i>	-	43.000.000
Các khoản phải thu khác	1.215.695.993	1.182.474.692
- <i>Ông Đình Văn Tạo</i>	108.228.636	108.228.636
- <i>Công ty Cổ phần Truyền thông Thời đại</i>	104.400.000	104.400.000
- <i>Phải thu khác</i>	1.003.067.357	969.846.056
	19.766.982.754	61.928.349.692

(*) Phải thu gốc và lãi trái phiếu đến hạn theo Biên bản thanh lý Hợp đồng số 01/BBTL/PT-VSM ngày 24/10/2016 và Biên bản thỏa thuận số 02/BBTT/PT-VSM ngày 10/04/2017 giữa Công ty Cổ phần Phương Trung và Công ty Cổ phần Chứng khoán VSM. Theo đó, khoản nợ gốc và lãi trái phiếu còn lại tại ngày 30/06/2017 được gia hạn thanh toán đến ngày 15/08/2017.

b) Các khoản phải thu dài hạn

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
Dự thu lãi trái phiếu Công ty TNHH Tư vấn Thiết kế Xây dựng Kỹ thuật Thương mại Phú Hòa	2.617.777.779	-
	2.617.777.779	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VSM

Tầng 2, Tòa nhà Handico, số 34 Hai Bà Trưng, phường Trảng Tiển, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

7 . DỰ PHÒNG PHẢI THU KHÓ ĐÒI

	Giá trị phải thu khó đòi	Số đầu kỳ		Số trích lập trong kỳ		Số hoàn nhập trong kỳ		Số cuối kỳ		Đầu kỳ
		VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
- Công ty Cổ phần Truyền thông Thời đại	104.400.000	(104.400.000)	-	-	-	-	(104.400.000)	(104.400.000)	(104.400.000)	(104.400.000)
- Công ty TNHH Hợp Nhất	45.000.000	(45.000.000)	-	-	-	-	(45.000.000)	(45.000.000)	(45.000.000)	(45.000.000)
- Phải thu lãi và gốc từ hợp đồng hợp tác đầu tư quá hạn	108.228.636	(108.228.636)	-	-	-	-	(108.228.636)	(108.228.636)	(108.228.636)	(108.228.636)
- Các khoản phải thu khác	922.836.072	(922.836.072)	-	-	-	-	(922.836.072)	(922.836.072)	(922.836.072)	(922.836.072)
	1.180.464.708	(1.180.464.708)	-	-	-	-	(1.180.464.708)	(1.180.464.708)	(1.180.464.708)	(1.180.464.708)

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VSMTầng 2, Tòa nhà Handico, số 34 Hai Bà Trưng, phường Trảng
Tiền, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

8 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
Ứng trước cho nhà cung cấp	15.000.000.000	15.003.000.000
- Bà Phạm Thị Hinh (*)	15.000.000.000	15.000.000.000
- Các đối tượng khác	-	3.000.000
	15.000.000.000	15.003.000.000

(*) Khoản tiền trả trước cho bà Phạm Thị Hinh để mua lại khu đất tại địa chỉ Thôn 3, xã Thịnh Hưng, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái thuộc sở hữu của bà Phạm Thị Hinh theo Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 28/12/2016. Mục đích mua đất là để mở chi nhánh của Công ty tại Yên Bái theo Nghị quyết của Hội đồng quản trị số 25/12/2016/VSM-HĐQT ngày 26/12/2016. Tại thời điểm ngày 30/06/2017, Công ty vẫn chưa hoàn thành các thủ tục sang tên, chuyển giao quyền sử dụng đất.

9 . TẠM ỨNG

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
Bà Phạm Thị Hằng (i)	9.780.000.000	10.000.000.000
Bà Phạm Thị Hinh (ii)	2.245.986.600	8.815.610.000
Ông Lê Hữu Lộc (iii)	4.975.500.000	5.000.000.000
Ông Lâm Hoàng Giang	-	10.000.000.000
Ông Phạm Xuân Ái (iv)	5.130.000.000	5.000.000.000
Các cá nhân khác	529.297.986	199.950.503
	22.660.784.586	39.015.560.503

(i) Theo Nghị quyết số 18.11.3/2016/VSM-HĐQT ngày 18/11/2016, Hội đồng Quản trị Công ty ủy quyền cho bà Phạm Thị Hằng tiếp tục thực hiện các thủ tục liên quan đến việc mua 3.000.000 cổ phần của Công ty Cổ phần Ô tô Đông Hà trong hạn mức 20 tỷ đồng. Khoản tạm ứng được đảm bảo khả năng thu hồi bằng 5.397.500 cổ phần của Công ty Cổ phần Chứng khoán VSM mà bà Phạm Thị Hằng đang nắm giữ. Thời hạn hoàn ứng là 90 ngày kể từ ngày tạm ứng. Tính đến thời điểm ngày 30/06/2017, khoản tạm ứng này đã quá hạn hoàn ứng nhưng vẫn chưa được thu hồi.

(ii) Theo Nghị quyết số 06.06/2017/VSM-HĐQT ngày 06/06/2017, Hội đồng Quản trị Công ty ủy quyền cho bà Phạm Thị Hinh thực hiện việc tìm kiếm khách hàng, đối tác để mở rộng hoạt động tư vấn của Công ty trong hạn mức 2,5 tỷ đồng. Khoản tạm ứng được đảm bảo khả năng thu hồi bằng 1.118.000 cổ phiếu KHB, 1.220.000 cổ phiếu KSA thuộc sở hữu của bà Phạm Thị Hinh đang lưu ký tại Công ty Cổ phần Chứng khoán Maritime và/hoặc 5.395.000 cổ phần của Công ty Cổ phần Chứng khoán VSM mà bà Phạm Thị Hinh đang nắm giữ. Thời hạn hoàn ứng là 90 ngày kể từ ngày tạm ứng.

(iii) Theo Nghị quyết số 18.11.4/2016/VSM-HĐQT ngày 18/11/2016, Hội đồng Quản trị Công ty ủy quyền cho ông Lê Hữu Lộc tiếp tục thực hiện các thủ tục liên quan đến việc mua 1.000.000 cổ phần của Công ty Cổ phần Khai thác và Chế biến Khoáng sản Yên Bái trong hạn mức 7 tỷ đồng. Khoản tạm ứng được đảm bảo khả năng thu hồi bằng 1.120.500 cổ phần của Công ty Cổ phần Chứng khoán VSM mà ông Lê Hữu Lộc làm đại diện nắm giữ. Thời hạn hoàn ứng là 90 ngày kể từ ngày tạm ứng. Tính đến thời điểm ngày 30/06/2017, khoản tạm ứng này đã quá hạn hoàn ứng nhưng vẫn chưa được thu hồi.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VSMTầng 2, Tòa nhà Handico, số 34 Hai Bà Trưng, phường Tràng
Tiền, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

(iv) Theo Nghị quyết số 15.06/2017/VSM-HĐQT ngày 15/06/2017, Hội đồng Quản trị Công ty ủy quyền cho ông Phạm Xuân Ái trong hạn mức 7 tỷ đồng để tiếp tục thực hiện các thủ tục liên quan đến việc thuê/mua bất động sản để làm chi nhánh của Công ty tại TP. Hồ Chí Minh. Khoản tạm ứng không có tài sản đảm bảo. Thời hạn hoàn ứng là 90 ngày kể từ ngày tạm ứng.

10 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**a) Chi phí trả trước ngắn hạn**

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
Chi phí thuê văn phòng	427.109.760	427.089.510
Chi phí thực hiện các hợp đồng tư vấn dở dang	324.147.699	-
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	15.930.831	39.168.401
	767.188.290	466.257.911

b) Chi phí trả trước dài hạn

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	87.427.119	111.818.943
	87.427.119	111.818.943

11 . CÀM CỘ, THẾ CHẤP, KÝ QUỸ, KÝ CƯỚC DÀI HẠN

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
Đặt cọc thuê văn phòng	192.874.751	192.874.751
Đặt cọc khác	10.000.000	10.000.000
	202.874.751	202.874.751

12 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Máy móc, thiết bị	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND
Nguyên giá			
Tại ngày 01/01/2017	30.470.000	3.288.242.723	3.318.712.723
Tại ngày 30/06/2017	30.470.000	3.288.242.723	3.318.712.723
Giá trị hao mòn lũy kế			
Tại ngày 01/01/2017	26.238.062	3.288.242.723	3.314.480.785
Khấu hao trong kỳ	4.231.938	-	4.231.938
Tại ngày 30/06/2017	30.470.000	3.288.242.723	3.318.712.723
Giá trị còn lại			
Tại ngày 01/01/2017	4.231.938	-	4.231.938
Tại ngày 30/06/2017	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VSM

Tầng 2, Tòa nhà Handico, số 34 Hai Bà Trưng, phường Tràng
Tiền, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 3.318.712.723 đồng.

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các tài sản cố định này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

13 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Tài sản cố định vô hình của Công ty là phần mềm máy vi tính, phần mềm giao dịch với tổng nguyên giá là 5.339.533.184 VND. Giá trị hao mòn lũy kế tại thời điểm ngày 30/06/2017 là 5.157.588.721 VND, khấu hao trong kỳ là 99.999.996 VND. Nguyên giá tài sản cố định vô hình cuối kỳ đã hết khấu hao còn sử dụng là 4.739.533.184 VND.

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các tài sản cố định này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

14 . VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	01/01/2017 VND	Số vay trong kỳ VND	Số trả trong kỳ VND	30/06/2017 VND
Vay đối tượng khác (*)	-	2.796.202.125	(1.954.734.977)	841.467.148
	<u>-</u>	<u>2.796.202.125</u>	<u>(1.954.734.977)</u>	<u>841.467.148</u>

(*) Các khoản ứng trước tiền bán chứng khoán KSA tại Công ty Cổ phần Chứng khoán Maritime.

15 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/06/2017 VND	01/01/2017 VND
Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Hà Nội	-	751.686.404
Công ty Cổ phần Công nghệ Tin học và Dịch vụ Goline	125.000.000	125.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư WB- CAP	132.000.000	132.000.000
Công ty Cổ phần Bưu chính Vàng	107.823.290	9.121.677
Phải trả cho các đối tượng khác	142.170.940	68.684.200
	<u>506.994.230</u>	<u>1.086.492.281</u>

16 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	30/06/2017 VND	01/01/2017 VND
Thuế Thu nhập cá nhân	12.324.925	17.224.824
	<u>12.324.925</u>	<u>17.224.824</u>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VSMTầng 2, Tòa nhà Handico, số 34 Hai Bà Trưng, phường Trảng
Tiền, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

17 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
Chi phí thuê văn phòng, điện, nước, cước viễn thông	-	45.180.000
Chi phí phải trả khác	30.000.000	42.000.000
	30.000.000	87.180.000

18 . VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU**a) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Tỷ lệ	30/06/2017	Tỷ lệ	01/01/2017
	(%)	VND	(%)	VND
Bà Phạm Thị Hinh	26,97%	53.950.000.000	26,97%	53.950.000.000
Bà Phạm Thị Hằng	26,99%	53.975.000.000	26,99%	53.975.000.000
Bà Trần Thị Hạnh	14,40%	28.800.000.000	14,40%	28.800.000.000
Ông Lâm Hoàng Giang	13,05%	26.095.000.000	13,05%	26.095.000.000
Bà Nguyễn Thị Thanh Vân	7,25%	14.500.000.000	7,25%	14.500.000.000
Ông Phạm Quốc Tuệ	5,74%	11.475.000.000	5,74%	11.475.000.000
Công ty Cổ phần Phương Trung	5,60%	11.205.000.000	5,60%	11.205.000.000
	100%	200.000.000.000	100%	200.000.000.000

b) Lợi nhuận chưa phân phối

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
Lợi nhuận đã thực hiện chưa phân phối	(19.033.346.146)	(36.861.548.701)
Lợi nhuận chưa thực hiện	(13.330.410.200)	-
	(32.363.756.346)	(36.861.548.701)

c) Tình hình phân phối thu nhập cho cổ đông

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
	VND	VND
Lợi nhuận đã thực hiện chưa phân phối tại ngày đầu kỳ	(36.861.548.701)	727.107.268
Lỗ chưa thực hiện tính đến cuối kỳ	(13.330.410.200)	-
Lãi/Lỗ đã thực hiện kỳ này	17.828.202.555	(9.712.910.219)
Cơ sở lợi nhuận phân phối cho cổ đông tính đến cuối kỳ	(19.033.346.146)	(8.985.802.951)
Lợi nhuận đã thực hiện chưa phân phối tại ngày cuối kỳ	(19.033.346.146)	(8.985.802.951)

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VSMTầng 2, Tòa nhà Handico, số 34 Hai Bà Trưng, phường Trảng
Tiền, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

d) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	200.000.000.000	200.000.000.000
- <i>Vốn góp đầu kỳ</i>	200.000.000.000	200.000.000.000
- <i>Vốn góp cuối kỳ</i>	200.000.000.000	200.000.000.000

e) Cổ phiếu

	30/06/2017	01/01/2017
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	20.000.000	20.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	20.000.000	20.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	20.000.000	20.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	20.000.000	20.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	20.000.000	20.000.000
Mệnh giá cổ phiếu đã lưu hành (VND)	10.000	10.000

19 . CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT LƯU KÝ TẠI VSD CỦA CÔNG TY

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
Loại <= 1 năm	47.063.550.000	55.785.900.000
	47.063.550.000	55.785.900.000

20 . CHỨNG KHOÁN CHƯA NIÊM YẾT CHƯA LƯU KÝ CỦA CÔNG TY

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
Loại lớn hơn 1 năm	100.000.000.000	40.000.000.000
	100.000.000.000	40.000.000.000

21 . TÀI SẢN TÀI CHÍNH NIÊM YẾT/ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	43.432.800.000	55.785.900.000
Tài sản tài chính chờ thanh toán	3.630.750.000	-
	47.063.550.000	55.785.900.000

22 . TÀI SẢN TÀI CHÍNH CHƯA LƯU KÝ TẠI VSD CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của Công ty	100.000.000.000	40.000.000.000
	100.000.000.000	40.000.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VSMTầng 2, Tòa nhà Handico, số 34 Hai Bà Trưng, phường Trảng
Tiền, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

23 . TÀI SẢN TÀI CHÍNH NIÊM YẾT/ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	-	229.316.920.000
Tài sản tài chính giao dịch hạn chế chuyển nhượng	-	49.000.000
	<u>-</u>	<u>229.365.920.000</u>

24 . TÀI SẢN TÀI CHÍNH ĐÃ LƯU KÝ TẠI VSD VÀ CHƯA GIAO DỊCH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	-	72.613.850.000
	<u>-</u>	<u>72.613.850.000</u>

25 . TIỀN GỬI CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	-	420.908.784
1. Nhà đầu tư trong nước	-	420.908.784
Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng	-	20.927.955
Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư	-	1.796.564
1. Nhà đầu tư trong nước	-	1.796.564
	<u>-</u>	<u>443.633.303</u>

26 . PHẢI TRẢ NHÀ ĐẦU TƯ

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
1. Phải trả Nhà đầu tư - Tiền gửi của Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	-	443.577.779
1.1. Nhà đầu tư trong nước	-	443.577.779
	<u>-</u>	<u>443.577.779</u>

27 . PHẢI TRẢ CỔ TỨC, GỐC VÀ LÃI TRÁI PHIẾU

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu cho Nhà đầu tư	-	55.524.224
	<u>-</u>	<u>55.524.224</u>



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VSM

Tầng 2, Tòa nhà Handico, số 34 Hai Bà Trưng, phường Trưng Tiên, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017**28 . THU NHẬP****a) Cổ tức và tiền lãi phát sinh từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)**

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
	VND	VND
Lãi trái phiếu Công ty TNHH Tư vấn Thiết kế Xây dựng Kỹ thuật Thương mại Phú Hòa	2.617.777.779	-
Lãi trái phiếu Công ty Cổ phần Phương Trung	-	3.652.638.889
	2.617.777.779	3.652.638.889

b) Lãi, lỗ bán các tài sản tài chính

	Số lượng bán	Tổng giá trị bán		Tổng giá vốn	Lãi, lỗ bán chứng khoán kỳ này		Lãi, lỗ bán chứng khoán kỳ trước	
		VND	VND		Lãi	VND	Lãi	VND
Cổ phiếu niêm yết								
- Sàn TP. Hồ Chí Minh	1.235.310	2.910.185.800	6.670.674.000	6.670.674.000	-	3.760.488.200	-	-
+ KSA	1.235.310	2.910.185.800	6.670.674.000	6.670.674.000	-	3.760.488.200	-	-
		2.910.185.800	6.670.674.000	6.670.674.000	-	3.760.488.200	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VSMTầng 2, Tòa nhà Handico, số 34 Hai Bà Trưng, phường Trảng
Tiền, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

29 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
	VND	VND
Doanh thu lãi liên gửi không kỳ hạn	31.628.723	7.434.593
	31.628.723	7.434.593

30 . CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
	VND	VND
Chi phí lương và các khoản theo lương	1.102.763.641	1.064.145.731
Kinh phí công đoàn, BHXH, BHYT, BHTN	147.840.000	144.260.432
Chi phí công cụ, dụng cụ	25.882.734	284.571.507
Chi phí khấu hao TSCĐ	104.231.934	105.078.334
Chi phí thuế, phí và lệ phí	3.000.000	3.204.690
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.328.454.932	1.040.018.980
Chi phí khác	33.900.000	40.202.750
	2.746.073.241	2.681.482.424

31 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	4.497.792.355	(9.712.910.219)
Các khoản điều chỉnh tăng	5.211.567	-
- Chi phí không được trừ	5.211.567	-
Tổng thu nhập chịu thuế	4.503.003.922	(9.712.910.219)
Số lỗ được kết chuyển	(4.503.003.922)	-
Tổng thu nhập tính thuế	-	(9.712.910.219)
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-

32 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
	VND	VND
Tổng lợi nhuận sau thuế	4.497.792.355	(9.712.910.219)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	4.497.792.355	(9.712.910.219)
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	20.000.000	20.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	225	(486)

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi trên Lợi nhuận sau thuế cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017.

33 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	53.108.314	-	130.285.378	-
Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ	9.963.511.800	-	29.964.596.000	(21.794.773.700)
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	100.000.000.000	-	40.000.000.000	-
Các khoản phải thu	19.766.982.754	(1.180.464.708)	61.928.349.692	(1.180.464.708)
	129.783.602.868	(1.180.464.708)	132.023.231.070	(22.975.238.408)
			30/06/2017	01/01/2017
			VND	VND
Nợ phải trả tài chính				
Vay và nợ			841.467.148	18.224.000
Phải trả người bán, phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán và phải trả khác			529.927.172	1.124.967.704
Chi phí phải trả			30.000.000	87.180.000
			1.401.394.320	1.230.371.704

Theo quy định tại Thông tư 210/2009/TT-BTC, Thông tư 146/2014/TT-BTC và Thông tư 334/2016/TT-BTC, tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính đã được đánh giá lại theo giá trị hợp lý.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá và lãi suất.

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VSMTầng 2, Tòa nhà Handico, số 34 Hai Bà Trưng, phường Trảng
Tiền, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 30/06/2017				
Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ	9.963.511.800	-	-	9.963.511.800
	9.963.511.800	-	-	9.963.511.800
Tại ngày 01/01/2017				
Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ	8.169.822.300	-	-	8.169.822.300
	8.169.822.300	-	-	8.169.822.300

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 30/06/2017				
Tiền và các khoản tương đương tiền	53.108.314	-	-	53.108.314
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	100.000.000.000	-	100.000.000.000
Các khoản phải thu	18.586.518.046	2.617.777.779	-	21.204.295.825
	18.639.626.360	102.617.777.779	-	121.257.404.139
Tại ngày 01/01/2017				
Tiền và các khoản tương đương tiền	130.285.378	-	-	130.285.378
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	40.000.000.000	-	40.000.000.000
Các khoản phải thu	60.747.884.984	-	-	60.747.884.984
	60.878.170.362	40.000.000.000	-	100.878.170.362

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 30/06/2017				
Vay và nợ	841.467.148	-	-	841.467.148
Phải trả người bán, phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán và phải trả khác	529.927.172	-	-	529.927.172
Chi phí phải trả	30.000.000	-	-	30.000.000
	1.401.394.320	-	-	1.401.394.320
Tại ngày 01/01/2017				
Vay và nợ	18.224.000	-	-	18.224.000
Phải trả người bán, phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán và phải trả khác	1.124.967.704	-	-	1.124.967.704
Chi phí phải trả	87.180.000	-	-	87.180.000
	1.230.371.704	-	-	1.230.371.704

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

34 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính giữa niên độ này.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VSMTầng 2, Tòa nhà Handico, số 34 Hai Bà Trưng, phường Trảng
Tiền, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

35 . BÁO CÁO BỘ PHẬN**Theo lĩnh vực kinh doanh**

	Hoạt động đầu tư chứng khoán	Hoạt động tư vấn	Hoạt động khác (*)	Tổng cộng toàn doanh nghiệp
	VND	VND	VND	VND
Doanh thu hoạt động	2.617.777.779	-	49.840.593	2.667.618.372
Chi phí hoạt động	(4.685.634.113)	-	128.370.285	(4.557.263.828)
Doanh thu không phân bổ	-	-	-	31.628.723
Chi phí không phân bổ	-	-	-	2.746.073.241
Kết quả hoạt động	7.303.411.892	-	(78.529.692)	4.510.437.682
Tài sản bộ phận trực tiếp	143.270.298.561	2.943.812.658	-	146.214.111.219
Tài sản không phân bổ	-	-	-	23.924.062.752
Tổng tài sản	143.270.298.561	2.943.812.658	-	170.138.173.971
Nợ phải trả bộ phận trực tiếp	841.467.148	38.500.000	-	879.967.148
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	1.018.492.301
Tổng nợ phải trả	841.467.148	38.500.000	-	1.898.459.449

(*) Bao gồm hoạt động môi giới chứng khoán và lưu ký chứng khoán.

Theo khu vực địa lý

Các hoạt động kinh doanh của Công ty chỉ thực hiện trên lãnh thổ Việt Nam. Do vậy, Công ty không trình bày Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VSMTầng 2, Tòa nhà Handico, số 34 Hai Bà Trưng, phường Trưng
Tiền, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

36 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong kỳ, Công ty có giao dịch với các bên liên quan như sau:

	Mối quan hệ	6 tháng đầu	6 tháng đầu
		năm 2017	năm 2016
		VND	VND
Tạm ứng			
Bà Phạm Thị Hinh	Chủ tịch HĐQT	2.962.000.000	-
Bà Phạm Thị Hằng	Cổ đông góp vốn	-	8.500.000.000
Ông Lâm Hoàng Giang	Thành viên HĐQT	-	18.200.000.000
Ông Phạm Xuân Ái	Thành viên HĐQT	130.000.000	-
Bà Phạm Thị Hải Yến	Thành viên HĐQT	-	13.900.000.000
Thu hồi tạm ứng			
Bà Phạm Thị Hinh	Chủ tịch HĐQT	9.531.623.400	16.420.000.000
Bà Phạm Thị Hằng	Cổ đông góp vốn	220.000.000	18.000.000.000
Ông Lê Hữu Lộc	Thành viên HĐQT	24.500.000	15.000.000.000
Ông Lâm Hoàng Giang	Thành viên HĐQT	10.000.000.000	18.005.000.000
Bà Phạm Thị Hải Yến	Thành viên HĐQT	-	13.900.000.000
Nhà đầu tư chuyển tiền vào tài khoản			
Bà Phạm Thị Hinh	Chủ tịch HĐQT	36.100.000	14.530.000.000
Nhà đầu tư rút tiền khỏi tài khoản			
Bà Phạm Thị Hinh	Chủ tịch HĐQT	441.984.030	16.925.510.000
Thu gốc và lãi trái phiếu			
Công ty Cổ phần Phương Trung	Cổ đông góp vốn	42.740.000.000	-
Dự thu lãi trái phiếu			
Công ty Cổ phần Phương Trung	Cổ đông góp vốn	-	3.652.638.889

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán:

	Mối quan hệ	30/06/2017	01/01/2017
		VND	VND
Phải thu tạm ứng			
Bà Phạm Thị Hinh	Chủ tịch HĐQT	2.245.986.600	8.815.610.000
Bà Phạm Thị Hằng	Cổ đông góp vốn	9.780.000.000	10.000.000.000
Ông Lê Hữu Lộc	Thành viên HĐQT	4.975.500.000	5.000.000.000
Ông Lâm Hoàng Giang	Thành viên HĐQT	-	10.000.000.000
Ông Phạm Xuân Ái	Thành viên HĐQT	5.130.000.000	5.000.000.000
Phải thu gốc trái phiếu đến hạn			
Công ty Cổ phần Phương Trung	Cổ đông góp vốn	13.000.000.000	55.000.000.000
Phải thu và dự thu lãi trái phiếu			
Công ty Cổ phần Phương Trung	Cổ đông góp vốn	4.707.875.000	5.447.875.000
Phải thu khách hàng			
Công ty Cổ phần Khoáng sản luyện kim màu	Bên liên quan với HĐQT (i)	-	49.000.000
Công ty Cổ phần Khoáng sản Hòa Bình	Bên liên quan với HĐQT (ii)	-	70.000.000
Công ty Cổ phần Khoáng sản và vật liệu Gia Lai	Bên liên quan với HĐQT (ii)	-	43.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VSMTầng 2, Tòa nhà Handico, số 34 Hai Bà Trưng, phường Trảng
Tiền, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội**Báo cáo tài chính giữa niên độ**
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

	Mối quan hệ	30/06/2017	01/01/2017
		VND	VND
Phải thu khách hàng (tiếp)			
Công ty Cổ phần Khoáng sản và vật liệu xây dựng Hưng Long	Bên liên quan với HĐQT (ii)	-	88.000.000
Công ty Cổ phần Công nghiệp Khoáng Sản Bình Thuận	Bên liên quan với HĐQT (iii)	-	48.000.000
Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán			
Bà Phạm Thị Hinh	Chủ tịch HĐQT	-	-
		-	87.732

- (i) Ông Lê Hữu Lộc là thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Chứng khoán VSM đồng thời là thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Khoáng sản luyện kim màu.
- (ii) Bà Phạm Thị Hinh là Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Chứng khoán VSM đồng thời là Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Khoáng sản Hòa Bình; Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Khoáng sản và Vật liệu Gia Lai; Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Khoáng sản và Vật liệu Xây dựng Hưng Long.
- (iii) Bà Phạm Thị Hinh là Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Chứng khoán VSM đồng thời là Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Công nghiệp Khoáng sản Bình Thuận.


Ngoài các thông tin về các bên liên quan đã được trình bày ở trên, giao dịch với các bên liên quan khác như sau:


	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
	VND	VND
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị	290.478.000	384.165.250

37 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán. Số liệu so sánh trên Báo cáo Kết quả hoạt động giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016.

Từ ngày 01/01/2017, Luật Chứng khoán cho phép áp dụng nguyên tắc giá trị hợp lý nên Công ty áp dụng nguyên tắc giá trị hợp lý trong ghi nhận giá trị tài sản tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017. Tuy nhiên một số chỉ tiêu trên Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ tại ngày 01/01/2017, Báo cáo kết quả hoạt động giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016 chưa được điều chỉnh hồi tố. Do đó, số liệu so sánh trên các Báo cáo này là không thể so sánh được.


Lê Bích Thủy
Người lập


Nguyễn Thị Thanh Vân
Kế toán trưởng



Phạm Thị Hinh
Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Hà Nội, ngày 10 tháng 08 năm 2017